

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN
VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 37
8. Phụ lục	38 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Hợp tác lao động với nước ngoài phía Nam theo Quyết định số 523/QĐ-BGTVT ngày 12 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300442760 (số cũ 4103007131) ngày 27 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau:

- Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 31 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành, nghề kinh doanh bất động sản.
- Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và đăng ký thêm 06 chi nhánh tại Việt Nam.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84 - 28) 39 433 770
- Fax : (84 - 28) 39 433 778

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế tại Nghệ An	Số 62, đường Trần Quốc Toản, phường Hà Huy Tập, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế tại Hải Phòng	Gác 5, toà nhà Thành Đạt, số 03, đường Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế tại Thanh Hóa	Thôn Bắc Hải, xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế tại Hà Nội	Phòng 206, Tầng 2, tòa nhà Ocean Park, số 01, đường Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh vận tải biển;
- Dịch vụ hàng hải: đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải, quản lý tàu biển;
- Tuyển, đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ để cung ứng lao động cho xuất khẩu;
- Xuất khẩu lao động;
- Cho thuê kho, bãi;
- Đại lý liên hiệp vận tải;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa;
- Môi giới thương mại;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải container bằng đường biển, đường bộ;
- Mua bán và cung ứng vật tư - thiết bị ngành hàng hải;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

- Mua bán phương tiện vận tải và thiết bị - vật tư, phụ tùng, khoáng sản, kim loại màu, sắt thép, thiết bị điện tử, hàng nông lâm thủy sản (không gây ô nhiễm môi trường), hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc;
- Mua bán dầu nhờn;
- Mua bán máy, phụ tùng, vật tư cho hãng máy tàu nước ngoài;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Kinh doanh bất động sản.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2017
Ông Trần Việt Điền	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2017
Bà Trần Thị Cẩm Hà	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2017
Ông Phan Xuân Sơn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Đào Nguyên Phương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Trương Thanh Du	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Vũ	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Oanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2017
Bà Trịnh Thị Thanh Hương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2017
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Tái bổ nhiệm
Ông Trần Việt Điền	Tổng Giám đốc	Ngày 06 tháng 6 năm 2017
Bà Trần Thị Cẩm Hà	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 06 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 06 tháng 6 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Minh - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 02 tháng 6 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Ngọc Minh
Chủ tịch

Ngày 21 tháng 3 năm 2020



Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0519/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Theo Công văn số 2452/NHPT-TĐĐT ngày 29 tháng 11 năm 2018; Thông báo ngày 03 tháng 01 năm 2019 và Thông báo ngày 02 tháng 01 năm 2020 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam về việc trả nợ vay (gốc và lãi) vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, Tập đoàn chưa ghi nhận tiền lãi quá hạn và lãi phạt của 03 tàu từ năm 2014 đến năm 2018 với số tiền là 209.475.147.612 VND và năm 2019 với số tiền 64.973.590.072 VND. Nếu Tập đoàn ghi nhận tiền lãi quá hạn và lãi phạt này thì khoản mục “Chi phí tài chính” (Mã số 22) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm nay tăng thêm là 64.973.590.072 VND, đồng thời khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (Mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp phải giảm đi là 274.448.737.684 VND.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn tiếp tục bị lỗ 38.015.141.096 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 513.294.309.078 VND vượt vốn góp của chủ sở hữu là 420.270.931.281 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nợ ngắn hạn đã lớn hơn tài sản ngắn hạn 719.590.391.131 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Hiện nay, chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2018-008-1



Phan Cao Huyền - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3523-2016-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		127.790.186.495	151.164.598.908
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	50.240.326.203	86.999.621.566
1. Tiền	111		45.740.326.203	68.499.621.566
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.500.000.000	18.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	1.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.034.094.368	33.905.284.728
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	19.622.564.729	21.586.565.484
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	1.485.834.679	109.505.211
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	17.437.167.715	13.720.686.788
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.511.472.755)	(1.511.472.755)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		22.463.400.199	14.207.563.816
1. Hàng tồn kho	141	V.7	22.463.400.199	14.207.563.816
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.052.365.725	15.052.128.798
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.624.344.101	4.700.716.301
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.088.039.450	10.021.804.663
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	339.982.174	329.607.834
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

300
CÔ
ÁCH N
M TC
A
BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		479.585.799.850	537.870.031.635
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.000.000	2.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.000.000	2.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		427.391.420.425	505.510.465.428
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	416.919.982.780	494.766.891.783
- Nguyên giá	222		1.349.353.687.920	1.349.611.228.007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(932.433.705.140)	(854.844.336.224)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	10.471.437.645	10.743.573.645
- Nguyên giá	228		17.736.123.304	17.736.123.304
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.264.685.659)	(6.992.549.659)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		52.556.750	52.556.750
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	52.556.750	52.556.750
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.055.000.000	8.893.799.210
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	6.870.000.000	18.148.410.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(5.885.000.000)	(9.324.610.790)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	70.000.000	70.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		51.084.822.675	23.411.210.247
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	51.084.822.675	23.411.210.247
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		607.375.986.345	689.034.630.543

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.027.646.917.626	1.071.239.520.728
I. Nợ ngắn hạn	310		847.380.577.626	831.607.702.008
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	63.111.429.493	65.740.301.344
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	196.054.074	6.169.260.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	982.627.784	918.496.973
4. Phải trả người lao động	314		1.321.621.798	1.640.896.493
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	408.203.075.771	372.463.857.353
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	76.063.574.955	82.345.251.034
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	295.310.000.338	300.081.500.338
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2.192.193.413	2.248.137.973
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		180.266.340.000	239.631.818.720
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		102.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	180.164.340.000	239.631.818.720
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

15-C.T.
FY
HỮU HẠN
TƯ VẤN
C
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(420.270.931.281)	(382.204.890.185)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(420.270.931.281)	(382.204.890.185)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	88.000.000.000	88.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		88.000.000.000	88.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	5.023.377.797	5.023.377.797
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	(513.294.309.078)	(475.228.267.982)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(475.279.167.982)	(475.228.267.982)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(38.015.141.096)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		607.375.986.345	689.034.630.543



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Lê Thị Thu Hà
Người lập

Nghiêm Văn Châu
Kế toán trưởng

Trần Viết Điền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	361.762.095.778	368.609.871.803
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		361.762.095.778	368.609.871.803
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	371.471.623.962	317.978.624.645
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(9.709.528.184)	50.631.247.158
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.363.791.660	2.477.990.579
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	34.381.216.112	47.426.853.461
Trong đó: chi phí lãi vay	23		36.139.177.740	42.721.261.647
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.803.298.040	11.971.436.993
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	8.639.385.512	8.785.811.280
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(52.169.636.188)	(15.074.863.997)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	16.456.821.244	4.228.626.600
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.302.326.152	1.384.076.050
14. Lợi nhuận khác	40		14.154.495.092	2.844.550.550
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(38.015.141.096)	(12.230.313.447)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(38.015.141.096)</u>	<u>(12.230.313.447)</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>(38.015.141.096)</u>	<u>(12.230.313.447)</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>-</u>	<u>-</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>(4.320)</u>	<u>(1.390)</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>(4.320)</u>	<u>(1.390)</u>



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Lê Thị Thu Hà
Người lập

Nghiêm Văn Châu
Kế toán trưởng

Trần Viết Điền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp trực tiếp)****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		360.983.239.415	372.793.424.802
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(298.834.654.818)	(184.278.454.015)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(13.811.674.835)	(13.327.961.858)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.15	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		824.747.705.471	667.210.234.859
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(865.697.877.760)	(704.999.017.558)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.386.737.473	137.398.226.230
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(233.116.363)	(3.688.345.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		40.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		11.278.410.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.753.161.269	653.235.420
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19.838.454.906	(3.035.110.035)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18b	(64.039.209.280)	(83.157.349.662)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(64.039.209.280)	(83.157.349.662)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(36.814.016.901)	51.205.766.533
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	86.999.621.566	36.210.083.601
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		54.721.538	(416.228.568)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	50.240.326.203	86.999.621.566

Lê Thị Thu Hà
Người lập biểu

Nghiêm Văn Châu
Kế toán trưởng



Trần Viết Điền
Tổng Giám đốc

0448
ÔNG
NHIỆM
DÁN
&
/ - T. P.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải biển và Hợp tác lao động Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là cung cấp các dịch vụ cung ứng lao động cho xuất khẩu, dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, cung ứng và kinh doanh dầu nhờn, ...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics có trụ sở chính tại số 126, đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải I, quận Hải An, TP. Hải Phòng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là cung cấp dịch vụ vận chuyển nâng hạ container, dịch vụ giao nhận, vận chuyển, đóng hàng, dịch vụ cho thuê kho, bãi, dịch vụ sửa chữa, vệ sinh container và các dịch vụ khác. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.243 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.141 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản đầu tư vào Chứng chỉ quỹ đầu tư quốc gia với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí bảo hiểm tàu; chi phí công cụ, dụng cụ trên tàu; chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này:

Chi phí bảo hiểm tàu

Chi phí bảo hiểm tàu được phân bổ theo kỳ hạn hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 03 năm tùy theo thời gian sử dụng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản là toàn bộ chi phí phát sinh sửa chữa tàu nhằm duy trì tình trạng hoạt động bình thường của tàu. Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ trong vòng 02 đến 05 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 12
Tài sản cố định khác	03 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất của Công ty con là tiền thuê đất Tập đoàn trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn thuê đất 30 năm.

Quyền sử dụng đất của Công ty mẹ là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại số 36 -38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	630.997.639	677.251.686
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.109.328.564	67.822.369.880
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng)	4.500.000.000	18.500.000.000
Cộng	<u>50.240.326.203</u>	<u>86.999.621.566</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính này của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Dài hạn				
Khoản đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Quốc gia	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Cộng	<u>1.070.000.000</u>	<u>1.070.000.000</u>	<u>1.070.000.000</u>	<u>1.070.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	11.278.410.000	(3.457.610.790)
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	5.870.000.000	(5.375.000.000)	5.870.000.000	(5.387.000.000)
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics	1.000.000.000	(510.000.000)	1.000.000.000	(480.000.000)
Cộng	6.870.000.000	(5.885.000.000)	18.148.410.000	(9.324.610.790)

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.324.610.790	8.656.126.650
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng bổ sung	(3.439.610.790)	668.484.140
Số cuối năm	5.885.000.000	9.324.610.790

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu cung cấp dịch vụ cho thuê tàu, vận tải	417.302.895	1.027.220.680
Sol Shipping International Pte Ltd	294.205.784	-
Các khách hàng khác	123.097.111	1.027.220.680
Phải thu các khách hàng khác	19.205.261.834	20.559.344.804
Công ty Vận tải biển Lam Kinh	1.294.880.755	1.294.880.755
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Nghĩa Lĩnh	344.267.000	1.584.660.000
Công ty Cổ phần Vận tải Linh Ngọc	2.593.580.000	1.192.026.000
Công ty Nissho Shiping	5.035.969.432	3.183.486.404
Dogeon Shipping Co., Ltd.	286.416.860	2.960.587.529
Công ty Xi măng Nghi Sơn	1.320.157.664	1.400.601.993
Công ty TNHH Thương mại Vận tải và Dịch vụ Hợp Thành	3.155.617.000	2.324.058.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Sài Gòn	-	1.672.126.000
Các khách hàng khác	5.174.373.123	4.946.918.123
Cộng	19.622.564.729	21.586.565.484

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cảng vụ Đồng Nai	10.080.861	46.796.434
Công ty TNHH MTV Đóng tàu & Công nghiệp Hàng Hải Sài Gòn	1.340.442.086	-
Trả trước cho người bán khác	135.311.732	62.708.777
Cộng	1.485.834.679	109.505.211

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản thu hộ liên quan đến hoạt động tàu biển	5.785.978.613	-	4.749.432.941	-
Tạm ứng	5.176.759.760	-	5.702.939.737	-
Ký quỹ ngắn hạn	1.064.964.000	-	1.064.964.000	-
Lãi dự thu	12.875.000	-	10.506.945	-
Phải thu về cho dịch vụ khác	5.396.590.342	-	2.192.843.165	-
Cộng	17.437.167.715	-	13.720.686.788	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn cho các dịch vụ tiện ích.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bên liên quan						
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) - Tiền cung cấp dịch vụ			-			-
Các tổ chức và cá nhân khác			-			-
Công ty TNHH Vận tải biển Lam Kinh - Tiền cung cấp dịch vụ	Trên 09 năm	1.294.880.755	-	Trên 09 năm	1.294.880.755	-
Ông Phạm Quốc Hiến - Tiền cung cấp dịch vụ			-			-
Công ty TNHH NNT - Tiền cung cấp dịch vụ			-			-
G.B.B.H.CO - Tiền cung cấp dịch vụ			-			-
Liên doanh Ahler - Tiền cung cấp dịch vụ			-			-
Công ty Cổ phần Container Quốc tế CAS Trên 03 năm		85.392.000	-	Trên 03 năm	85.392.000	-
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng và Dịch vụ Vận tải Thuận Phát Trên 05 năm		131.200.000	-	Trên 05 năm	131.200.000	-
Cộng		1.511.472.755	-		1.511.472.755	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.511.472.755	1.624.347.571
Trích lập dự phòng bổ sung	-	85.392.000
Xóa nợ	-	(155.075.475)
Hoàn nhập dự phòng	-	(43.191.341)
Số cuối năm	1.511.472.755	1.511.472.755

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	22.397.273.199	-	14.162.481.816	-
Công cụ, dụng cụ	66.127.000	-	45.082.000	-
Cộng	22.463.400.199	-	14.207.563.816	-

Tập đoàn không có hàng tồn kho chậm luân chuyển.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm tàu	2.442.635.626	2.482.279.855
Công cụ, dụng cụ	3.181.708.475	2.218.436.446
Cộng	5.624.344.101	4.700.716.301

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	17.042.374.485	15.944.895.408
Chi phí sửa chữa	34.042.448.190	7.466.314.839
Cộng	51.084.822.675	23.411.210.247

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	24.512.071.989	1.324.164.362.652	739.702.457	195.090.909	1.349.611.228.007
Mua sắm mới	-	208.116.363	-	25.000.000	233.116.363
Thanh lý, nhượng bán	-	(490.656.450)	-	-	(490.656.450)
Số cuối năm	24.512.071.989	1.323.881.822.565	739.702.457	220.090.909	1.349.353.687.920
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.917.155.062	216.700.256.806	739.702.457	36.000.000	226.393.114.325
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	14.461.134.468	839.607.499.299	739.702.457	36.000.000	854.844.336.224
Khấu hao trong năm	670.678.362	77.350.536.095	-	58.810.909	78.080.025.366
Thanh lý, nhượng bán	-	(490.656.450)	-	-	(490.656.450)
Số cuối năm	15.131.812.830	916.467.378.944	739.702.457	94.810.909	932.433.705.140
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10.050.937.521	484.556.863.353	-	159.090.909	494.766.891.783
Số cuối năm	9.380.259.159	407.414.443.621	-	125.280.000	416.919.982.780
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 404.544.592.640 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải phòng và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.18b).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	17.676.123.304	60.000.000	17.736.123.304
Số cuối năm	17.676.123.304	60.000.000	17.736.123.304
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	55.000.000	55.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.935.677.659	56.872.000	6.992.549.659
Khấu hao trong năm	269.640.000	2.496.000	272.136.000
Số cuối năm	7.205.317.659	59.368.000	7.264.685.659
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.740.445.645	3.128.000	10.743.573.645
Số cuối năm	10.470.805.645	632.000	10.471.437.645
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại 8.198.578.200 VND đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.18b).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí phát triển phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương chưa nghiệm thu.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế. Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại như sau:

2015	73.736.491.297
2016	81.304.604.868
2017	78.983.863.108
2018	13.521.124.685
2019	38.599.784.411
Cộng	286.145.868.369

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản lỗ này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà máy Sửa chữa tàu biển Phà Rừng	40.400.000.000	49.400.000.000
Cockett Marine Oil	-	7.508.474.310
Các nhà cung cấp khác	22.711.429.493	8.831.827.034
Cộng	63.111.429.493	65.740.301.344

Tập đoàn có khoản nợ Nhà máy Sửa chữa tàu biển Phà Rừng đã quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Eastmen Shipping Company Limited	-	1.970.087.110
Keyun Shipping Pte Ltd	-	914.155.914
Daedong Shipping Co., Ltd.	-	3.285.017.476
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	45.684.720	-
Hanaro Shipping Co., Ltd. Seoul, Korea	149.881.523	-
Các khách hàng khác	487.831	-
Cộng	<u>196.054.074</u>	<u>6.169.260.500</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	122.617.153	-	2.372.465.631	(2.306.832.192)	188.250.592	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	30.266.473	-	-	-	30.266.473
Thuế thu nhập cá nhân	2.665.631	292.506.025	513.467.037	(525.344.005)	1.163.003	302.880.365
Thuế nhà đất	-	-	26.863.000	(26.863.000)	-	-
Tiền thuê đất	-	-	170.129.000	(170.129.000)	-	-
Các loại thuế khác	793.214.189	-	10.000.000	(10.000.000)	793.214.189	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.835.336	-	-	-	6.835.336
Cộng	<u>918.496.973</u>	<u>329.607.834</u>	<u>3.092.924.668</u>	<u>(3.039.168.197)</u>	<u>982.627.784</u>	<u>339.982.174</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cung cấp dầu mua và bán tại nước ngoài cho tổ chức nước ngoài	Không phải kê khai
- Dịch vụ vận tải quốc tế, cho thuê tàu vận tải quốc tế	0%
- Dịch vụ xuất khẩu thuyền viên	
• Tàu nội	10%
• Tàu ngoại	0%
- Các hoạt động khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(38.015.141.096)	(12.230.313.447)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	24.000.000	109.510.260
Thu nhập chịu thuế	(37.991.141.096)	(12.120.803.187)
Thu nhập được miễn thuế	(70.000.000)	(272.176.100)
Lỗ được chuyển	(538.643.315)	-
Thu nhập tính thuế	(38.599.784.411)	(12.392.979.287)
Thu nhập tính thuế của Công ty mẹ	(38.599.784.411)	(13.521.124.685)
Thu nhập tính thuế của Công ty con	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	407.908.988.845	371.781.549.003
Chi phí khác	294.086.926	682.308.350
Cộng	<u>408.203.075.771</u>	<u>372.463.857.353</u>

17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cho bên liên quan	-	1.491.970.620
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - Phải trả về cổ phần hóa	-	1.491.970.620
Phải trả cho tổ chức và cá nhân khác	76.063.574.955	80.853.280.414
Kinh phí công đoàn	6.303.476.545	7.258.168.236
Nhận ký quỹ ngắn hạn	136.143.376	254.839.376
Cổ tức phải trả	1.318.722.900	1.318.722.900
Phải trả hộ liên quan đến hoạt động cho thuê tàu	6.374.794.581	7.115.993.824
Phải trả hộ liên quan đến hoạt động xuất khẩu thuyền viên	48.612.190.464	52.653.672.053
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	13.318.247.089	12.251.884.025
Cộng	<u>76.063.574.955</u>	<u>82.345.251.034</u>

17b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ dài hạn.

17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b):		
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam		
- Chi nhánh Hải Phòng	281.372.000.338	286.125.500.338
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	13.938.000.000	13.956.000.000
Cộng	<u>295.310.000.338</u>	<u>300.081.500.338</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	286.125.500.338	45.346.500.000	(50.100.000.000)	-	281.372.000.338
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	13.956.000.000	13.938.000.000	(13.905.000.000)	(51.000.000)	13.938.000.000
Cộng	<u>300.081.500.338</u>	<u>59.284.500.000</u>	<u>(64.005.000.000)</u>	<u>(51.000.000)</u>	<u>295.310.000.338</u>

18b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	78.928.000.000	124.274.500.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	101.236.340.000	115.357.318.720
Cộng	<u>180.164.340.000</u>	<u>239.631.818.720</u>

(i) Các khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đứng ra vay và ủy quyền cho Công ty nhận nợ và giải ngân theo:

- Hợp đồng số 05/2003/HĐTD-TDTW ngày 21 tháng 7 năm 2003 với tổng số tiền vay là 83.300.000.000 VND để đầu tư đóng mới tàu chở hàng Thanh Thủy, thời hạn vay 144 tháng, lãi suất 3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Tàu Thanh Thủy (xem thuyết minh số V.9).
- Hợp đồng tín dụng số 01/05/HĐTD-TDTW ngày 14 tháng 4 năm 2005 với tổng số tiền vay 76.416.000.000 VND để phục vụ nhu cầu đầu tư đóng mới tàu Aquamarine, lãi suất 6,6%/năm, thời hạn vay 144 tháng. Thời hạn trả hết nợ gốc và lãi 132 tháng, bắt đầu từ tháng 3 năm 2006. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Tàu Aquamarine (xem thuyết minh số V.9).
- Hợp đồng tín dụng số 12/2010/HĐTDĐT-NHPT.INLACO ngày 30 tháng 12 năm 2010 với tổng số tiền vay 414.000.000.000 VND để đầu tư đóng mới tàu Inlaco Express, lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay 12 năm, thời gian ân hạn 18 tháng. Kỳ hạn trả nợ gốc theo tháng, mức trả 3.285.000.000 VND/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Tàu Inlaco Express (xem thuyết minh số V.9).

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng 01/09/ILCSG-HCM ngày 06 tháng 01 năm 2009 với tổng số tiền vay 10.667.500,00 USD để mua tàu J.Marion Sun (Tàu Bright) chở hàng rời đã qua sử dụng trọng tải 23.527DWT, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường USD năm hạn 12 tháng trả lãi cuối năm của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam cộng 3%/năm, điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Tàu Bright (xem thuyết minh số V.9).
- Hợp đồng tín dụng 02/09/ILCSG-HCM ngày 26 tháng 3 năm 2009 với tổng số tiền vay 10.497.500,00 USD để mua tàu Spring Accord chở hàng rời trọng tải 23.986DWT, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm thông thường USD năm hạn 12 tháng trả lãi cuối năm của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam cộng 4%/năm, điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Tàu Spring Accord (xem thuyết minh số V.9).

Ngoài ra, quyền sử dụng đất không thời hạn tại số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cũng được thế chấp đảm bảo các khoản vay đã có hoặc sẽ có của Công ty ở Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.10).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam			
- Chi nhánh Hải Phòng	360.300.000.338	281.372.000.338	78.928.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam			
- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	115.174.340.000	13.938.000.000	101.236.340.000
Cộng	475.474.340.338	295.310.000.338	180.164.340.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Chuyển sang vay ngắn hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả</u>	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	124.274.500.000		(45.346.500.000)		78.928.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	115.357.318.720	(148.769.440)	(13.938.000.000)	(34.209.280)	101.236.340.000
Cộng	239.631.818.720	(148.769.440)	(59.284.500.000)	(34.209.280)	180.164.340.000

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng đã quá hạn gốc và lãi tương ứng tại thời điểm cuối năm là 236.025.500.338 VND và 396.017.295.356 VND.

Khoản lãi vay chưa được thanh toán do Tập đoàn đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán. Khoản nợ gốc quá hạn trên Tập đoàn đang cố gắng thu xếp trả dần.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.248.137.973	2.353.787.973
Trích quỹ trong năm	50.900.000	
Chi quỹ trong năm	(106.844.560)	(105.650.000)
Số cuối năm	2.192.193.413	2.248.137.973

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	88.000.000.000	5.023.377.797	(462.997.954.535)	(369.974.576.738)
Lợi nhuận trong năm trước			(12.230.313.447)	(12.230.313.447)
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	5.023.377.797	(475.228.267.982)	(382.204.890.185)
Số dư đầu năm nay	88.000.000.000	5.023.377.797	(475.228.267.982)	(382.204.890.185)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(38.015.141.096)	(38.015.141.096)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	(50.900.000)	(50.900.000)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	5.023.377.797	(513.294.309.078)	(420.270.931.281)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (đại diện bởi Ông Nguyễn Ngọc Minh; Ông Trần Việt Điền; Ông Nguyễn Tuấn Anh)	31.680.000.000	31.680.000.000
Bà Trần Thị Cẩm Hà	283.800.000	283.800.000
Vốn góp của các cổ đông khác	56.036.200.000	56.036.200.000
Cộng	<u>88.000.000.000</u>	<u>88.000.000.000</u>

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty trích Quỹ phúc lợi 5% lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Quyết định số 11/QĐ-GĐ ngày 01 tháng 03 năm 2019, số tiền là 50.900.000 VND.

21. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

21a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn bao gồm 1.730.967,02 USD (số đầu năm là 2.594.510,48USD).

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>		<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	
Ông Phạm Quốc Hiến					Do công nợ tồn đọng lâu, không thu hồi được
- tiền cung cấp dịch vụ	-	131.151.222	-	131.151.222	
Công ty TNHH NNT - tiền cung cấp dịch vụ	-	19.346.275	-	19.346.275	Do công nợ tồn đọng lâu, không thu hồi được
G.B.B.H.CO - tiền cung cấp dịch vụ	-	1.879.500	-	1.879.500	Do công nợ tồn đọng lâu, không thu hồi được
Liên doanh Ahler - tiền cung cấp dịch vụ	-	2.698.478	-	2.698.478	Do công nợ tồn đọng lâu, không thu hồi được
Cộng		<u>155.075.475</u>		<u>155.075.475</u>	



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ cho thuê tàu và vận tải	285.911.836.431	290.015.928.185
Doanh thu dịch vụ đại lý tàu, xuất khẩu thuyền viên và hoạt động khác	75.850.259.347	78.593.943.618
Cộng	<u>361.762.095.778</u>	<u>368.609.871.803</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ cho thuê tàu và vận tải	317.512.543.452	259.982.410.572
Giá vốn hoạt động xuất khẩu thuyền viên, đại lý tàu và hoạt động khác	53.959.080.510	57.996.214.073
Cộng	<u>371.471.623.962</u>	<u>317.978.624.645</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	711.459.007	394.495.938
Cổ tức, lợi nhuận được chia	70.000.000	272.176.100
Lãi từ bán cổ phiếu	7.987.267.100	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.520.165.034	1.652.595.504
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	74.900.519	158.723.037
Cộng	<u>10.363.791.660</u>	<u>2.477.990.579</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	36.139.177.740	42.721.261.647
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.681.649.162	4.037.107.674
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(3.439.610.790)	668.484.140
Cộng	<u>34.381.216.112</u>	<u>47.426.853.461</u>

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.745.667.267	4.683.454.315
Chi phí đồ dùng văn phòng	444.803.755	456.857.899
Chi phí khấu hao tài sản cố định	529.653.816	529.653.816
Chi phí sửa chữa thường xuyên	278.858.529	252.326.557
Trợ cấp thôi việc	196.934.700	360.929.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	42.200.659

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	760.435.389	770.577.113
<i>Chi phí điện</i>	295.533.624	332.846.049
<i>Chi phí thông tin liên lạc</i>	200.862.972	173.000.064
<i>Các chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i>	264.038.793	264.731.000
Các chi phí khác	1.683.032.056	1.689.811.921
<i>Chi phí hội nghị tiếp khách</i>	483.440.984	689.719.547
<i>Công tác phí</i>	335.088.528	278.837.422
<i>Thuế, phí và lệ phí</i>	478.799.300	102.611.267
<i>Chi phí khác</i>	385.703.244	618.643.685
Cộng	<u>8.639.385.512</u>	<u>8.785.811.280</u>
7. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	40.000.000	-
Doanh thu từ tiền thưởng giải phóng tàu	7.985.348.339	3.828.381.233
Xử lý công nợ tồn lâu	7.680.286.669	-
Thu nhập khác	751.186.236	400.245.367
Cộng	<u>16.456.821.244</u>	<u>4.228.626.600</u>
8. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí từ tiền phạt giải phóng tàu	2.152.699.784	1.298.142.863
Vi phạm hợp đồng	-	2.100.000
Chi phí khác	149.626.368	83.833.187
Cộng	<u>2.302.326.152</u>	<u>1.384.076.050</u>
9. Lãi trên cổ phiếu		
9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(38.015.141.096)	(12.230.313.447)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(38.015.141.096)	(12.230.313.447)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	8.800.000	8.800.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>(4.320)</u>	<u>(1.390)</u>
9b. Thông tin khác		
Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.		
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	116.683.856.348	68.673.833.524
Chi phí nhân công	55.916.735.162	54.658.766.371
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.352.161.366	88.189.350.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.451.671.990	68.617.601.600
Chi phí khác	66.509.882.648	58.596.321.408
Cộng	<u>389.914.307.514</u>	<u>338.735.872.918</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.897.327.773	1.605.518.088
Thù lao	66.171.000	63.704.000
Cộng	<u>1.963.498.773</u>	<u>1.669.222.088</u>

1b. *Giao dịch và số dư với bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - Công ty mẹ.

Giao dịch với bên liên quan khác

Tập đoàn không phát sinh giao dịch với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trong năm (năm trước không phát sinh giao dịch).

Công nợ với bên liên quan khác

Công ty không phát sinh công nợ với các bên liên quan khác.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của dịch vụ cung cấp.

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Dịch vụ cho thuê tàu và vận tải đường biển.
- Dịch vụ xuất khẩu thuyền viên, dịch vụ đại lý tàu và các dịch vụ khác.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. *Thông tin về khu vực địa lý*

Toàn bộ trụ sở hoạt động của Tập đoàn chỉ đặt trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.240.326.203	-	50.240.326.203
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.070.000.000	-	1.070.000.000
Phải thu khách hàng	18.111.091.974	1.511.472.755	19.622.564.729
Các khoản phải thu khác	12.260.407.955	-	12.260.407.955
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	6.870.000.000	6.870.000.000
Cộng	81.681.826.132	8.381.472.755	90.063.298.887
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.999.621.566	-	86.999.621.566
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.070.000.000	-	1.070.000.000
Phải thu khách hàng	20.075.092.729	1.511.472.755	21.586.565.484
Các khoản phải thu khác	8.017.747.051	-	8.017.747.051
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	18.148.410.000	18.148.410.000
Cộng	116.162.461.346	19.659.882.755	135.822.344.101

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Phải trả người bán	63.111.429.493	-	63.111.429.493
Vay	295.310.000.338	180.164.340.000	475.474.340.338
Các khoản phải trả khác	477.963.174.181	102.000.000	478.065.174.181
Cộng	<u>836.384.604.012</u>	<u>180.266.340.000</u>	<u>1.016.650.944.012</u>
Số đầu năm			
Phải trả người bán	65.740.301.344	-	65.740.301.344
Vay	300.081.500.338	239.631.818.720	539.713.319.058
Các khoản phải trả khác	447.550.940.151	-	447.550.940.151
Cộng	<u>813.372.741.833</u>	<u>239.631.818.720</u>	<u>1.053.004.560.553</u>

Hiện Tập đoàn đang gặp khó khăn về luồng tiền nên khó có khả năng thanh toán được nợ vay.

3c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn có mua nhiên liệu phục vụ cho vận hành đội tàu với đồng tiền giao dịch là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		
	USD	JPY	USD	JPY	SGD
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.730.967,02	-	2.594.510,48	-	-
Phải thu khách hàng	305.872,43	-	399.996,38	-	-
Vay và nợ	(4.958.000,00)	-	(5.559.472,00)	-	-
Phải trả người bán	(579.430,99)	7.643.982,80	(417.854,61)	(7.199.775,00)	(5.207,02)
Các khoản phải trả khác	(511.901,30)	-	(405.778,58)	-	-
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(4.012.492,84)	7.643.982,80	(3.388.598,33)	(7.199.775,00)	(5.207,02)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế sẽ giảm/tăng 1.864.204.174 VND (năm trước giảm/tăng 1.576.375.943 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đánh giá ảnh hưởng do thay đổi tỷ giá hối đoái giữa VND và JPY, SGD là không đáng kể do số dư gốc ngoại tệ nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thị trường.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 4.958.000,00 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 5.559.472,00 USD).

Với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD tăng/giảm 01% thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 1.151.743.400 VND (năm trước giảm/tăng 1.293.133.187 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

3d. Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.240.326.203	-	86.999.621.566	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.070.000.000	-	1.070.000.000	-
Phải thu khách hàng	19.622.564.729	(1.511.472.755)	21.586.565.484	(1.511.472.755)
Các khoản phải thu khác	12.260.407.955	-	8.017.747.051	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.870.000.000	(5.885.000.000)	18.148.410.000	(9.324.610.790)
Cộng	90.063.298.887	(7.396.472.755)	135.822.344.101	(10.836.083.545)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	63.111.429.493	65.740.301.344
Vay	475.474.340.338	539.713.319.058
Các khoản phải trả khác	478.065.174.181	447.550.940.151
Cộng	1.016.650.944.012	1.053.004.560.553

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn tiếp tục bị lỗ 38.015.141.096 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 513.294.309.078 VND, vượt vốn góp của chủ sở hữu là 420.270.931.281 VND. Ngoài ra tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 719.590.391.131 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lê Thị Thu Hà
Người lập

Nghiêm Văn Châu
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Trần Viết Điền
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục: Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	285.911.836.431	75.850.259.347	-	361.762.095.778
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	285.911.836.431	75.850.259.347	-	361.762.095.778
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(47.352.370.694)	19.200.158.958	-	(28.152.211.736)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(28.152.211.736)
Doanh thu hoạt động tài chính				10.363.791.660
Chi phí tài chính				(34.381.216.112)
Thu nhập khác				16.456.821.244
Chi phí khác				(2.302.326.152)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(38.015.141.096)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	60.691.580.875	2.370.427.581		63.062.008.456
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	108.121.059.019	5.386.382.012		113.507.441.031
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	290.015.928.185	78.593.943.618	-	368.609.871.803
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	290.015.928.185	78.593.943.618	-	368.609.871.803
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	12.237.707.823	17.636.291.062	-	29.873.998.885
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				29.873.998.885
Doanh thu hoạt động tài chính				2.477.990.579
Chi phí tài chính				(47.426.853.461)
Thu nhập khác				4.228.626.600
Chi phí khác				(1.384.076.050)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(12.230.313.447)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	28.634.243.962	5.622.984.865	-	34.257.228.827
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	113.388.272.616	4.944.305.258	-	118.332.577.874
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VÀ HỢP TÁC LAO ĐỘNG QUỐC TẾ

Địa chỉ: Số 36 - 38, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục: Thông tin về lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Dịch vụ cho thuê tàu, vận tải	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	482.685.983.119	50.442.661.004	-	533.128.644.123
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				74.247.342.222
Tổng tài sản				607.375.986.345
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	959.348.365.118	-	-	959.348.365.118
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				68.298.552.508
Tổng nợ phải trả				1.027.646.917.626
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	520.195.664.438	50.796.002.437	-	570.991.666.875
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				118.042.963.668
Tổng tài sản				689.034.630.543
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	995.594.321.118	-	-	995.594.321.118
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				75.645.199.610
Tổng nợ phải trả				1.071.239.520.728



TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Lê Thị Thu Hà
Người lập

Nghiêm Văn Châu
Kế toán trưởng

Trần Viết Điền
Tổng Giám đốc